

CHÍNH PHỦ
Số: 73/2003/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán
và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn
quyết toán ngân sách địa phương**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể các mẫu biểu phục vụ cho việc lập báo cáo dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2004.

Việc xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương của năm ngân sách 2002 và 2003 được áp dụng theo những quy định của Quy chế này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ

**XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG,
PHÊ CHUẨN QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của

Chính phủ)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Quy chế này quy định về:

- Nhiệm vụ của ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức lập, báo cáo dự toán ngân sách, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương.
- Nhiệm vụ của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Ban Kinh tế và Ngân sách), Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là Ban Kinh tế - Xã hội); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn và các Ban khác của Hội đồng nhân dân trong việc thẩm tra các báo cáo của Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân.
- Việc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, cho ý kiến về các báo cáo ngân sách của Ủy ban nhân dân nhân dân và báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Kinh tế - Xã hội.
- Nội dung, trình tự, phương thức thảo luận và quyết định dự toán, phân bổ và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Việc thẩm tra, xem xét, quyết định dự toán, phương án phân bổ và phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân phải đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và của Quy chế này.

Chương 2:

LẬP DỰ TOÁN, PHÂN BỐ VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Lập dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách địa phương:

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (đối với cấp huyện và cấp xã lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý), dự toán chi ngân sách địa phương (đối với cấp

tỉnh và cấp huyện gồm ngân sách cấp mình và ngân sách các cấp dưới); phương án phân bổ ngân sách cấp mình và quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, phê chuẩn.

2. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương phải căn cứ vào:

- a) Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- b) Chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước, định mức phân bổ ngân sách và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách;
- c) Tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm hiện hành;
- d) Nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao; dự toán ngân sách được tổng hợp từ báo cáo dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình, của các địa phương cấp dưới trực tiếp;
- đ) Các căn cứ khác theo quy định tại Điều 37 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

3. Phương án phân bổ ngân sách phải căn cứ vào:

- a) Dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân quyết định;
- b) Nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và các địa phương cấp dưới trực tiếp;
- c) Định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách được cấp có thẩm quyền quy định;
- d) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên. Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, cần căn cứ vào chế độ phân cấp ngân sách và dự toán thu, chi ngân sách của từng địa phương cấp dưới trực tiếp.

4. Lập quyết toán ngân sách địa phương phải tuân thủ những quy định tại các Điều 62, 63, 64 và 65 của Luật Ngân sách nhà nước; căn cứ vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp dưới đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình đã được cơ quan tài chính cùng cấp

thẩm định và các khoản chi chuyển nguồn của ngân sách địa phương sang năm sau theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Kinh tế - Xã hội, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã và các Ban khác có liên quan của Hội đồng nhân dân phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư và các cơ quan có liên quan khác của Ủy ban nhân dân trong quá trình lập dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách.

6. Cơ quan tài chính chủ động phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư và các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp mình và quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; đồng thời gửi các báo cáo trên đến Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Kinh tế - Xã hội, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ban khác có liên quan của Hội đồng nhân dân.

7. Ủy ban nhân dân họp xem xét, thảo luận dự toán ngân sách, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách có sự tham dự của Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Kinh tế - Xã hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân (đối với cấp xã).

Điều 4. Ủy ban nhân dân báo cáo về ngân sách địa phương:

1. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách địa phương năm hiện hành, gồm:

- a) Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách, kể cả việc huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước (nếu có);
- b) Tình hình thực hiện các giải pháp tài chính - ngân sách theo Nghị quyết Quốc hội, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cấp trên, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên;
- c) Những giải pháp bổ sung để tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm hiện hành.

2. Báo cáo dự toán ngân sách địa phương năm sau, gồm:

- a) Các căn cứ xây dựng dự toán ngân sách;
- b) Mục tiêu, nhiệm vụ của ngân sách địa phương;
- c) Phương án phân bổ ngân sách;

d) Các chủ trương, giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm sau.

3. Báo cáo quyết toán và kiểm toán ngân sách địa phương, gồm:

a) Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương;

b) Quyết toán các chương trình mục tiêu quốc gia;

c) Thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương;

d) Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương (nếu có).

4. Căn cứ vào những yêu cầu, nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 của Điều này, Ủy ban nhân dân các cấp còn phải giải trình cụ thể về tình hình thực hiện ngân sách, dự toán, phân bổ ngân sách cấp mình và quyết toán ngân sách địa phương. Trong đó, nêu rõ những nội dung sau:

a) Dự toán chi ngân sách của từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình theo từng lĩnh vực; dự toán chi ngân sách hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo từng lĩnh vực. Đối với ngân sách cấp tỉnh còn bao gồm dự toán chi đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh), chi trả gốc và lãi tiền huy động cho đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Nhiệm vụ thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp ở địa phương và số bổ sung từ ngân sách cấp mình cho ngân sách cấp dưới (bao gồm số bổ sung cân đối và số bổ sung có mục tiêu). Đối với số bổ sung cân đối phải kèm theo căn cứ xác định của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách địa phương;

c) Danh mục, tổng mức vốn đầu tư, tiến độ thực hiện và kế hoạch vốn đầu tư đối với các dự án, các công trình quan trọng thuộc nguồn ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp mình quyết định theo thẩm quyền; trong đó, nêu chi tiết các